TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **17**/2020/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 20 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hạnh**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Kim Thành**

Bà **Nguyễn Thị Thanh Huyền**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông **Võ Ngọc Tín** - Cán bộ Toà án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Cù Thị Anh** - Kiểm sát viên

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Tại phiên toà, các bên đương sự đã thống nhất thoả thuận được với nhau về việc vụ án và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

I.Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Phan Văn T - sinh năm: 1987; Nơi cư trú: tổ 9 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Thu N - sinh năm: 1988; HKTT: 39 N, tổ 15 phường M, quận S, Tp Đà Nẵng. Có mặt

- Người đại diện hợp pháp cho bà N: Ông Nguyễn Xuân H – sinh năm: 1965 và bà Phan Thị Á – sinh năm: 1966 – Địa chỉ: 39 N, tổ 15 phường M, quận S, Tp Đà Nẵng. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Thu N: bà Trần Thị Thùy Vân – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố Đà Nẵng theo quyết định số 127 ngày 15/6/2020. Có mặt.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Thu N (*Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông T với bà N nên giấy chứng nhận kết hôn hôn số 100 ngày 14.12.2009 do UBND phường H, quận L, TP Đà Nẵng cấp không còn giá trị pháp lý*).

2. Về quan hệ con chung: Giao con Phan Nguyễn Kiều V, sinh ngày: 26/9/2010 cho ông Phan Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; giao con Phan Nguyễn Kiều M, sinh ngày: 04/7/2012 cho bà Nguyễn Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Phan Văn T cấp dưỡng nuôi con Phan Nguyễn Kiều M mỗi tháng 1.500.000 đồng vào ngày 10 hàng tháng bắt đầu từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Cả bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

3.Về quan hệ tài sản chung: Hai bên xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

4.Về quan hệ nợ chung: Hai bên xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

5.Các vấn đề khác: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Văn T hỗ trợ số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Thu N để chữa bệnh. Thời gian giao tiền vào ngày 20/7/2020. Các bên đương sự đã giao tiền xong.

6. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đồng ông Phan Văn T phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, TP. Đà Nẵng biên lai thu số 0008473 ngày 26 tháng 3 năm 2020.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: 300.000 đồng ông T phải chịu

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV.Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường H, quận L, ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Đích **Hà Đồng Tịnh** **Trần Thị Bé**